

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2569/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 29 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 74/TTr-STC ngày 09 tháng 9 năm 2016 về việc ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Dương,

QUYẾT ĐỊNH

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng phương tiện đi lại là xe ô tô; chế độ khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác trong cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi

chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) và Ban Quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước (sau đây gọi chung là Ban quản lý dự án) trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Xe ô tô thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quyết định này bao gồm xe từ 4 đến 16 chỗ ngồi, xe ô tô chuyên dùng được hình thành từ nguồn vốn ngân sách, có nguồn gốc ngân sách (kể cả viện trợ, quà biếu, tặng cho của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoặc được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật...).

2. Đối với xe ô tô tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 3. Nguyên tắc trang bị, bố trí, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

1. Nhà nước đảm bảo việc trang bị xe ô tô để phục vụ công tác cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án theo quy định tại Quyết định này. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này, cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án bố trí xe ô tô phục vụ công tác theo đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

2. Nghiêm cấm việc sử dụng xe ô tô quy định tại Quyết định này vào việc riêng; bán, trao đổi, tặng cho, cho mượn, cho thuê, cầm cố, thế chấp hoặc điều chuyển cho bất cứ tổ chức, cá nhân nào khi chưa được phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trường hợp một cán bộ giữ nhiều chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô thì được áp dụng tiêu chuẩn sử dụng xe theo chức danh cao nhất. Khi người tiền nhiệm nghỉ hưu hoặc chuyển công tác khác mà xe ô tô đã trang bị chưa đủ điều kiện thay thế theo quy định thì người mới được bổ nhiệm tiếp tục sử dụng xe ô tô đã trang bị cho người tiền nhiệm, không trang bị xe mới.

4. Giá mua xe ô tô theo Quyết định này là giá mua đã bao gồm các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật; chưa bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí cấp biển số xe, phí bảo hiểm, phí đăng kiểm, phí bảo trì đường bộ liên quan đến việc sử dụng xe. Trường hợp xe ô tô được miễn các loại thuế thì phải tính đủ số thuế được miễn để xác định tiêu chuẩn, định mức. Trường hợp điều chuyển, tiếp nhận thì giá xe ô tô làm căn cứ xác định tiêu chuẩn, định mức là giá trị còn lại của xe ô tô.

5. Xe ô tô trang bị cho các chức danh quy định được thay thế khi đã sử dụng vượt quá 15 năm hoặc sử dụng ít nhất 250.000 km (đối với địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn là 200.000 km) mà không thể tiếp tục sử dụng hoặc bị hư hỏng, không đảm bảo an toàn khi vận hành theo kiểm định của cơ quan có chức năng. Xe ô tô thay thế được xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

6. Việc mua xe ô tô quy định tại Quyết định này thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về mua sắm tài sản nhà nước và chỉ được mua sắm khi đã được bố trí kinh phí trong dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Nguồn hình thành xe ô tô

1. Xe ô tô phục vụ công tác và xe ô tô chuyên dùng được mua sắm từ các nguồn kinh phí sau:

a) Kinh phí được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Nguồn kinh phí từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định.

c) Nguồn vốn thuộc các chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước về trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương, nguồn hỗ trợ chính thức ODA, vốn vay ưu đãi, nguồn viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

2. Xe ô tô do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước viện trợ, biếu, tặng cho và các hình thức xác lập quyền sở hữu của Nhà nước khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC, CHẾ ĐỘ TRANG BỊ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC VÀ XE Ô TÔ CHUYÊN DÙNG

Điều 5. Đối tượng và mức giá trang bị xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh

1. Ủy viên Ban Chấp hành trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy được sử dụng thường xuyên trong thời gian công tác một xe ô tô sử dụng để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác với mức giá tối đa 1.100 triệu đồng/xe.

2. Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội chuyên trách được sử dụng xe ô tô để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác với mức giá mua xe tối đa 920 triệu đồng/xe.

3. Trường hợp các chức danh quy định tại Khoản 2 Điều này tự túc phương tiện, được khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo quy định tại Điều 12 Quyết định này.

Điều 6. Tiêu chuẩn, định mức trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án

1. Đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên (không kể kiêm nhiệm) được trang bị xe ô tô phục vụ công tác chung để đưa đón cán bộ đi công tác (không đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc) từ nguồn xe điều chuyển hoặc mua mới với giá mua tối đa 720 triệu đồng/xe; cụ thể:

- Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh (như: Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân, các Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương); Huyện ủy, thị ủy, Thành ủy; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố được trang bị tối đa 02 xe ô tô/01 đơn vị.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các Sở, Ban, ngành có chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên (không kể kiêm nhiệm) được trang bị tối đa 01 xe ô tô/01 đơn vị.

2. Đối với Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước, có chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 trở lên (không kể kiêm nhiệm) được trang bị xe ô tô phục vụ công tác theo quy định sau:

a) Đối với Ban Quản lý dự án trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh được trang bị tối đa 02 xe ô tô/01 Ban Quản lý dự án với mức giá mua tối đa 720 triệu đồng/xe.

b) Đối với Ban Quản lý dự án không thuộc trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này được trang bị tối đa 01 xe ô tô/01 Ban Quản lý dự án với mức giá mua tối đa 720 triệu đồng/xe.

c) Việc trang bị xe ô tô trực tiếp phục vụ công tác quản lý của từng dự án sử dụng vốn nhà nước (bao gồm cả nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) hoặc vốn viện trợ nước ngoài) được thực hiện theo Thông tư số 198/2013/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng, xử lý tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước.

Khi dự án kết thúc, việc xử lý xe ô tô được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính.

d) Đối với Ban Quản lý dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) hoặc vốn viện trợ nước ngoài, việc mua sắm xe ô tô phục vụ hoạt động của dự án thực hiện theo quy định của Hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp Hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt không ghi cụ thể số lượng, giá mua xe và chủng loại xe; căn cứ đối tượng sử dụng xe, Ban Quản lý dự án thực hiện việc trang bị theo tiêu chuẩn, định mức quy định tại Quyết định này.

Việc xử lý xe ô tô khi dự án kết thúc thực hiện theo quy định của Hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp Hiệp định đã được ký kết hoặc văn kiện dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt không quy định cụ thể thì việc xử lý xe ô tô được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính.

3. Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án cần thiết mua xe ô tô từ 12 đến 16 chỗ ngồi để thực hiện nhiệm vụ hoặc xe ô tô 2 cầu do thường xuyên phải đi công tác tại địa bàn các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn thì giá mua xe tối đa là 1.040 triệu đồng/xe.

4. Việc mua xe ô tô quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thuộc địa phương quản lý.

Điều 7. Thay thế xe ô tô phục vụ công tác

1. Xe ô tô phục vụ công tác được thay thế khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Xe ô tô đã sử dụng vượt quá thời gian (15 năm) theo quy định tại Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước mà không thể tiếp tục sử dụng hoặc bị hư hỏng mà không đảm bảo an toàn khi vận hành theo kiểm định của cơ quan có chức năng.

b) Xe ô tô đã sử dụng ít nhất 250.000 km (đối với miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng hải đảo và vùng đặc biệt khó khăn là 200.000 km) mà không thể tiếp tục sử dụng hoặc bị hư hỏng mà không đảm bảo an toàn khi vận hành theo kiểm định của cơ quan có chức năng.

c) Xe ô tô trong định mức nhưng đã được cấp có thẩm quyền quyết định điều chuyển cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án khác quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Việc thay thế xe ô tô cũ được thực hiện theo một trong hai hình thức sau:

a) Nhận điều chuyển xe ô tô từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án khác.

b) Mua mới trong trường hợp không có xe ô tô để nhận điều chuyển theo quy định.

3. Khi được thay thế xe ô tô, trường hợp xe ô tô cũ được xử lý theo hình thức thanh lý thì số tiền thu được sau khi trừ các chi phí có liên quan theo quy định được nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Riêng đối với đơn vị sự nghiệp công lập được bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị.

Điều 8. Trang bị xe ô tô chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban quản lý dự án

1. Xe ô tô chuyên dùng bao gồm:

a) Xe gắn kèm trang thiết bị chuyên dùng hoặc có cấu tạo đặc biệt theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ gồm: xe cứu thương, xe cứu hỏa, xe chuyên dùng chở tiền, xe chở phạm nhân, xe quét đường, xe phun nước, xe chở rác, xe ép rác, xe sửa chữa lưu động, xe trang bị phòng thí nghiệm, xe thu phát điện báo, xe sửa chữa điện, xe kéo, xe cần cẩu, xe tập lái, xe phục vụ thông tin liên lạc, xe phục vụ ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân, xe thanh sát hạt nhân...

b) Xe sử dụng cho nhiệm vụ đặc thù phục vụ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị - xã hội là xe không gắn kèm trang thiết bị chuyên dùng hoặc có cấu tạo đặc biệt theo yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ nhưng được sử dụng phục vụ cho

nhiệm vụ đặc thù của ngành, lĩnh vực gồm: xe xét xử lưu động của ngành tòa án, xe chỉ đạo phòng chống lụt bão, xe tìm kiếm cứu nạn, xe kiểm lâm, xe thanh tra giao thông, xe phát thanh truyền hình lưu động, xe hộ đê, xe chở học sinh, sinh viên, xe chở diễn viên đi biểu diễn, xe chở vận động viên đi luyện tập và thi đấu,...

2. Giá mua xe ô tô chuyên dùng:

a) Đối với xe ô tô chuyên dùng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này hoặc xe ô tô từ 16 chỗ ngồi trở lên để phục vụ nhiệm vụ đặc thù quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này là giá bán xe trên thị trường tại thời điểm mua sắm do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Đối với xe ô tô chuyên dùng không thuộc quy định tại Điểm a Khoản này, giá mua xe thực hiện như đối với xe ô tô phục vụ công tác chung quy định tại Điều 6 Quyết định này.

3. Nhà nước đảm bảo việc trang bị xe ô tô chuyên dùng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án theo quy định tại Quyết định này. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định tại Khoản 4 Điều này và dự toán ngân sách được duyệt hàng năm, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án báo cáo, đề xuất việc mua sắm, trang bị xe ô tô chuyên dùng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng:

Áp dụng theo Quyết định 2322/QĐ-UBND ngày 07/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan hành chính, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Chương III
QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ TẠI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ,
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN.

Điều 9. Hình thức quản lý xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án

Giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án trực tiếp quản lý số xe ô tô hiện có theo tiêu chuẩn, định mức để bố trí xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh có tiêu chuẩn quy định tại Quyết định này như sau:

1. Đối với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Giao Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân quản lý toàn bộ số xe ô tô của Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân và các đơn vị trực thuộc (các Ban và các tổ chức tương đương) có đủ tiêu chuẩn được trang bị xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn, định mức khi đi công tác theo quy định.

- Giao các đơn vị trực thuộc Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân có đủ tiêu chuẩn được trang bị xe ô tô được trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác theo quy định tại Quyết định này.

2. Đối với các Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương, thủ trưởng cơ quan thực hiện:

- Giao Văn phòng Sở (Ban, ngành và các tổ chức tương đương) quản lý số xe ô tô của đơn vị mình để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác theo quy định tại Quyết định này.

- Giao các đơn vị trực thuộc Sở, Ban, ngành và các tổ chức tương đương có đủ tiêu chuẩn được trang bị xe ô tô được trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác theo quy định tại Quyết định này.

3. Đối với các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố giao cho Văn phòng Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy; Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quản lý, sử dụng xe ô tô để bố trí cho các chức danh có tiêu chuẩn khi đi công tác theo quy định tại Quyết định này.

Điều 10. Quản lý và sử dụng xe ô tô tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án

Việc quản lý, sử dụng số xe ô tô hiện có của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án theo Quyết định này được thực hiện như sau:

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ban Quản lý dự án được giao làm đầu mối hoặc trực tiếp quản lý xe ô tô:

- a) Thực hiện bố trí xe ô tô phục vụ công tác cho các chức danh đúng tiêu chuẩn, định mức. Trường hợp do yêu cầu công tác, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án xem xét, cho phép bố trí xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án cho các trường hợp không đủ tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác.

- b) Trường hợp cán bộ được cử đi công tác nhưng xe ô tô hiện có của đơn vị không đáp ứng được, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án xem xét, cho phép thuê xe ô tô để phục vụ công tác.

2. Việc thuê dịch vụ xe ô tô theo quy định tại Điều 11 Quyết định này.

3. Khoản kinh phí để tự túc phương tiện đi lại theo quy định tại Điều 12 Quyết định này

Điều 11. Thuê dịch vụ xe ô tô

Căn cứ điều kiện cụ thể, thực tế cung cấp dịch vụ phương tiện đi lại của thị trường, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án quyết định việc thuê dịch vụ xe ô tô phục vụ công tác của cơ quan, đơn vị. Giá thuê xe ô tô là đơn giá bình quân của phương tiện vận tải công cộng do Sở Tài chính thông báo sau khi thống nhất với các ngành có chức năng.

Điều 12. Khoản kinh phí sử dụng xe ô tô

Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án được thực hiện như sau:

1. Đối với các chức danh quy định tại Khoản 2 Điều 5 Quyết định này tự nguyện đăng ký thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô:

a) Việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô theo từng công đoạn:

- Đưa đón hàng ngày từ nơi ở đến nơi làm việc;
- Khi đi công tác;
- Đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác.

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô cho chức danh theo từng công đoạn. Số tiền khoán được chi trả cùng với kỳ trả lương của đơn vị cho từng chức danh đã đăng ký thực hiện khoán.

c) Đơn giá khoán là đơn giá bình quân của phương tiện vận tải công cộng (đơn giá của các hãng xe taxi phổ biến trên thị trường) trên địa bàn tỉnh và được công bố hàng năm.

d) Mức khoán kinh phí được xác định như sau:

d.1) Trường hợp khoán kinh phí đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc hàng ngày, mức khoán được xác định như sau:

Mức khoán đưa, đón (MKđđ) (đồng/tháng)	Đơn giá khoán (đồng/km)	Số km khoán (km)	02 lượt (lượt)	Số ngày thực tế đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc (ngày)
--	-------------------------	------------------	----------------	--

Trong đó:

- Số km khoán là khoảng cách thực tế từ nhà ở đến nơi làm việc của từng chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe đưa đón, do thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban quản lý dự án xác định;

- 02 lượt: bao gồm 01 lượt đi và 01 lượt về trong một ngày làm việc;

- Số ngày thực tế đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc không bao gồm số ngày đi công tác.

d.2) Trường hợp khoán kinh phí khi đi công tác, mức khoán được xác định như sau:

Mức khoán đi công tác (MKct) (đồng/tháng)	Đơn giá khoán (đồng/km)	Khoảng cách thực tế đi công tác hàng tháng của từng chức danh (km)
---	-------------------------	--

Trong đó: Khoảng cách thực tế đi công tác là số km thực tế đi công tác hàng tháng của từng chức danh được xác định trên cơ sở lịch trình công tác thực tế của chức danh được Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án xác nhận.

d.3) Trường hợp khoán toàn bộ kinh phí (bao gồm: cả công đoạn đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và công đoạn khi đi công tác), mức khoán kinh phí sử dụng xe ô tô được xác định như sau:

Mức khoán toàn bộ
(MK tb)
(đồng/tháng)

MKđđ
(đồng/tháng)

MKet
(đồng/tháng)

2. Trường hợp các chức danh có tiêu chuẩn sử dụng xe ô tô khi đi công tác theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 6 Quyết định này tự nguyện đăng ký thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác:

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án quyết định việc khoán kinh phí sử dụng xe ô tô khi đi công tác cho từng chức danh; mức khoán kinh phí thực hiện theo quy định tại Điểm b, Điểm c và Điểm d (d.2) Khoản 1 Điều này.

3. Đơn giá khoán kinh phí sử dụng xe ô tô do Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan xác định và thông báo làm cơ sở cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án thực hiện. Khi đơn giá bình quân của phương tiện vận tải công cộng trên thị trường tăng, giảm trên 20% so với đơn giá khoán đã thông báo, Sở Tài chính thực hiện điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 13. Chế độ quản lý, sử dụng xe ô tô

Cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án được trang bị xe ô tô theo quy định tại Quyết định này thực hiện việc quản lý xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức; tổ chức hạch toán và công khai chi phí sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án theo quy định của pháp luật.

Chương IV **TRÁCH NHIỆM TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 14: Trách nhiệm của Sở Tài chính

Căn cứ Quyết định này, Sở Tài chính có trách nhiệm sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án triển khai thực hiện;
2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan xác định và thông báo đơn giá khoán xe ô tô trên địa bàn tỉnh hàng năm theo quy định tại Điều 12 Quyết định này;
3. Kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành các quy định về trang bị, quản lý, sử dụng phương tiện đi lại trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án;
4. Tham mưu, đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh trang bị xe ô tô cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án theo đúng tiêu chuẩn, định mức;
5. Tham mưu, trình UBND tỉnh thực hiện thu hồi, điều chuyển, thanh lý xe ô tô theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;
6. Rà soát, chuẩn hóa, cập nhật đầy đủ số liệu số lượng xe ô tô trên cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước;
7. Thực hiện công khai việc quản lý, bố trí và sử dụng xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng theo quy định của pháp luật về công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án

1. Thực hiện việc bố trí, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức tại Quyết định này và quản lý số xe ô tô hiện có theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

2. Xây dựng định mức tiêu hao nhiên liệu đối với từng xe ô tô; theo dõi chi phí sử dụng thực tế đối với từng xe bao gồm: tiền lương lái xe, chi phí nhiên liệu, chi phí sửa chữa xe (bao gồm cả chi phí sửa chữa lớn được phân bổ hợp lý) và các chi phí liên quan đến vận hành, sử dụng xe ô tô theo quy định. Căn cứ định mức tiêu hao nhiên liệu, chi phí sử dụng thực tế của xe ô tô, giá cho thuê xe ô tô trên thị trường và đơn giá khoán xe ô tô do Sở Tài chính thông báo để xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng xe ô tô theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg đảm bảo phù hợp với điều kiện của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ban Quản lý dự án.

3. Thực hiện việc báo cáo, kê khai xe ô tô; báo cáo tình hình tăng giảm xe ô tô cho Sở Tài chính theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

4. Công khai việc quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác, xe ô tô chuyên dùng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

Chương V XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 16. Xử lý vi phạm trong việc mua sắm trang bị, quản lý, sử dụng xe ô tô

1. Người ra quyết định, người tham mưu trình mua sắm xe ô tô không đúng thẩm quyền, không đúng tiêu chuẩn, định mức, chủng loại phải bồi thường thiệt hại và tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

2. Đối với việc quản lý, sử dụng xe ô tô không đúng quy định, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan phải chịu trách nhiệm; tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm và mức thiệt hại mà phải bồi thường thiệt hại, đồng thời bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

3. Xe ô tô mua không đúng tiêu chuẩn, vượt giá quy định, vượt định mức bị thu hồi để xử lý theo quy định của pháp luật về tài sản nhà nước.

CHƯƠNG VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Các trường hợp không quy định tại Quyết định này, được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 32/2015/QĐ-TTg ngày 04/8/2015 của Thủ tướng

Chính phủ; Thông tư số 159/2015/TT-BTC ngày 15/10/2015 Bộ Tài chính và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

3. Trường hợp các văn bản quy định pháp luật nêu tại Quyết định này hết hiệu lực hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản có hiệu lực thi hành hoặc văn bản quy định pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (Cục QLCS);
- Website Chính phủ;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh (để b/c);
- CT & Các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VP.TU, VP. HĐND tỉnh, VP. UBND tỉnh;
- Các Ban đảng và các đơn vị trực thuộc TU;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp (theo dõi);
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể; (t/c)
- Huyện ủy, thị ủy, thành ủy; HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Tào, CV, HCTC;
- Đài P.thanh-Truyền hình tỉnh;
- Báo Bình Dương;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.



Trần Thanh Liêm